

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024

Trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 10/TTr-STTTT ngày 20/02/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024, với các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;
- Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024-2025;
- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Bình Định (Khóa XX) về Chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0;

- Quyết định số 5362/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0);

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh;

- Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ; ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng và nâng cao an toàn thông tin; phát triển chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Phân đầu nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 90% đối với cấp tỉnh, 80% đối với cấp huyện và 60% đối với cấp xã (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ nhập dữ liệu một lần.
- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.
- Tối thiểu 90% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.
- 100% Ủy ban nhân dân cấp xã có hệ thống Đài truyền thanh thông minh.

2.2. Về kinh tế số

- Phân đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Phân đầu năng suất lao động tăng tối thiểu 7%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 60%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 40%.

2.3. Về xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận internet cáp băng rộng cố định đạt trên 80%.
- Tỷ lệ thôn, làng được phủ hạ tầng cáp quang băng rộng phân đầu đạt 100%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 60%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 40%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%.
- Tỷ lệ các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí đạt 100%.
- Tỷ lệ các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt đạt 100%.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.

III. NHIỆM VỤ

1. Rà soát, hoàn thiện thể chế số

- Rà soát, ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số nhanh, bền vững; tập trung các chính sách: Chính sách thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số;

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

- Sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về Chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.

- Xây dựng, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số theo Quyết định số 2568/QĐ-TTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin nguồn của tỉnh.

2. Hạ tầng số

- Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động đạt tối thiểu 40Mbps.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ tầng 5G trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Cục viễn thông làm việc với các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch hỗ trợ mỗi hộ gia đình có một thiết bị điện thoại thông minh, một SIM IoT và có khả năng tiếp cận một đường internet cáp quang băng rộng.

- Duy trì, nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm IOC tỉnh, bảo đảm năng lực cung cấp, khai thác hiệu quả thông tin. Ưu tiên thiết lập, vận hành Trung tâm dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây.

3. Nhân lực số

- Triển khai đào tạo nhân lực số trong các cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức.

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức chuyên trách công nghệ thông tin.

- Triển khai tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân; tập trung hướng dẫn kỹ năng số cơ bản như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Mua sắm trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Tự bảo vệ trên không gian mạng và một số nền tảng số của tỉnh.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

4. Nhận thức số

- Duy trì hoạt động các kênh truyền thông về chuyển đổi số.
- Tổ chức các hoạt động, sự kiện thiết thực, hiệu quả hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

5. Nền tảng số cơ bản

- Triển khai ứng dụng Nền tảng trợ lý ảo: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Xây dựng hoàn thành Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh; từ đó tổng hợp, phân tích xử lý dữ liệu, tạo ra giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai các nền tảng, hệ thống thông tin, gồm: Hệ thống quản lý đất đai; Nền tảng bản đồ số dùng chung; Hệ thống quản lý đầu tư công; Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ tỉnh.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục 42 mô hình thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Định.

6. Dữ liệu số

- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống của tỉnh.

- Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp. Thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 5752/BTTTT-CĐSQG ngày 26/11/2022.

- Thực hiện cung cấp dữ liệu mở của tỉnh phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu số.

- Triển khai, duy trì Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.

7. An toàn thông tin mạng

- Triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung; kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Duy trì trung tâm giám sát, điều hành an toàn mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”.

8. Doanh nghiệp công nghệ số

Tiếp tục tổ chức triển khai Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

9. Chính quyền số

- Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo chỉ đạo của Chính phủ; triển khai đầy đủ quy định về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để có thể tái sử dụng.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin báo cáo, Cổng dữ liệu mở... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Triển khai có hiệu quả các dịch vụ, ứng dụng Smartcity Bình Định, kết nối, khai thác dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống.

- Phát triển kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

10. Kinh tế số

- Tập trung phát triển kinh tế số ở các ngành, lĩnh vực có tiềm năng (nông nghiệp; công thương; du lịch; khoa học và công nghệ; thông tin và truyền thông; giao thông vận tải).

- Triển khai đo lường kinh tế số của địa phương.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm.

- Tiếp tục triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, hướng dẫn các hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử giới thiệu quảng bá và mua bán nông sản.

11. Xã hội số

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID.
- Phổ cập dịch vụ internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G;
 - Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế, hộ kinh doanh.
- Triển khai phổ cập mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, một tài khoản thanh toán số, một chữ ký số.
- Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học, trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập.
- Tổ chức đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân; lồng ghép triển khai chuyển đổi số trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy.
- Xây dựng, triển khai mô hình “làng số”.
- Xây dựng, triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân”.

12. Xây dựng không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ số

Thiết lập không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có thể dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế. Truyền thông, phổ biến, nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức số

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện nhiều hình thức, giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.
- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện thuận tiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ số; tuyên truyền cho người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với xây dựng chính quyền số; rà soát, điều chỉnh các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, các trường đại học đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về kỹ năng số, các nội dung theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Chủ động hợp tác với các Tập đoàn viễn thông và công nghệ thông tin để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng dịch vụ số của tỉnh.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động hợp tác quốc tế về chuyển đổi số; tổ chức hội thảo, xây dựng chương trình hợp tác, huy động nguồn lực, đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số, học tập kinh nghiệm, chuyên gia công nghệ số, nhất là với các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến và có chương trình ký kết, thỏa thuận hợp tác với tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

(Chi tiết phân công theo dõi thực hiện các chỉ tiêu và Danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện chuyển đổi số năm 2024 tại **Phụ lục I và Phụ lục II** kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; các nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án liên quan; nguồn huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ, xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Là đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh việc triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến/Một cửa điện tử của tỉnh.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông giám sát việc thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch đã phân công.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà

nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.
- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Thực hiện các nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch đã phân công.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư để triển khai các dự án đầu tư công của Kế hoạch theo quy định.

6. Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh Bình Định

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch trung gian thanh toán và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai chuyển đổi số, thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

7. Tỉnh đoàn Bình Định

Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động chuyển đổi số trong tổ chức Đoàn các cấp. Tổ chức triển khai cho đoàn viên thanh niên đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh VNeID và các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

8. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số cụ thể để triển khai tại đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.
- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng các yêu cầu triển khai các hệ thống phần mềm ứng dụng dùng chung, dịch vụ công trực tuyến/một cửa điện tử.
- Tăng cường triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình. Thực hiện việc cập nhật thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, theo dõi và xử lý trách nhiệm đối với các cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính trễ hẹn.
- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị mình.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tăng cường ứng dụng, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin, chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ 6 tháng, năm (*báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/6 và báo cáo năm gửi trước ngày 15/11*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH, Báo Bình Định;
- Lưu: VT, K9.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 đạt	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
1	Phát triển chính quyền số				
1.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Công dịch vụ công tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia.	100%	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ
1.2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	90% cấp tỉnh, 80% cấp huyện và 60% cấp xã	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh
1.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ nhập dữ liệu một lần.	> 80%	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ
1.4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	> 90%		Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ
1.5	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê	> 90%	Sở, ban, ngành;	Sở Thông tin và Truyền	Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 đạt	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
	duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin		UBND huyện, thị xã, thành phố	thông	của Thủ tướng Chính phủ
1.6	Tỷ lệ UBND cấp xã có hệ thống Đài truyền thanh thông minh	100%	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh
2	Phát triển kinh tế số				
2.1	Phần đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP	10%	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; Các doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh
2.2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	> 10%	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; Các doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh
2.3	Tỷ lệ tăng năng suất lao động tăng tối thiểu	7%		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 đạt	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
					UBND tỉnh
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	> 60%	Các Doanh nghiệp	Sở Công Thương	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	> 40%	Các Doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh
3	Phát triển xã hội số				
3.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	> 80%		Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
3.2	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận internet cáp băng rộng cố định	> 80%	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
3.3	Tỷ lệ thôn, làng được phủ hạ tầng cáp quang băng rộng	100%	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 đạt	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
3.4	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	60%		Ngân hàng nhà nước chi nhánh Bình Định	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
3.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	> 40%	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố; Các doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	> 40%		Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022
3.7	Tỷ lệ các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí	100%	Cơ sở giáo dục đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ
3.8	Tỷ lệ các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	100%	Cơ sở y tế	Sở Y tế	Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 12/07/2023 của UBND tỉnh
3.9	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	> 90%		Sở Y tế	Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
A	CẤP TỈNH: SỞ, BAN, NGÀNH				
I	Thế chế số				
1	Ban hành kế hoạch thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh đến năm 2025		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Quý I/2024
2	Ban hành chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số		Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2024
3	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; BQL Khu Kinh tế tỉnh	Quý II/2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyên đổi số		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nội vụ	Quý II/2024
5	Triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử	Rà soát tham mưu văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến Luật Giao dịch điện tử. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao dịch điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Công Thương; Các cơ quan, báo đài	Quý II/2024
6	Sơ kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về Chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Quý II/2024
7	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bình Định, phiên bản 3.0	Theo Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ TT&TT ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Quý III/2024
II	Hạ tầng số				

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, xóa các vùng lốm sóng trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm tốc độ mạng viễn thông	Bảo đảm phủ sóng các vùng, khu vực có điện lưới; tốc độ mạng viễn thông di động đạt tối thiểu 40Mbps	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, TX, TP; Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2024
2	Triển khai hỗ trợ mỗi hộ gia đình có một điện thoại thông minh, SIM IoT và có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh; - Mỗi hộ gia đình có một SIM IOT; - Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng. 	Sở Thông tin và Truyền thông	Cục Thống kê; Sở Lao động-TB&XH; UBND huyện, TX, TP; Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2024
3	Duy trì, nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh; Trung tâm IOC tỉnh	Duy trì, nâng cấp hoạt động của Trung tâm dữ liệu, Trung tâm IOC hiện có, đảm bảo khả năng tích hợp, kết nối chia sẻ với IOC cấp huyện; đồng thời chuyển đổi từng bước việc thuê dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
4	Triển khai hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây quy mô cấp tỉnh	Thuê dịch vụ hạ tầng CNTT dùng chung (hạ tầng Cloud Server) nhằm đảm bảo khả năng lưu trữ, bảo mật đối với hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác, chia sẻ dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		phục vụ phát triển chính quyền điện tử/chính quyền số trên địa bàn tỉnh			
III	Nhân lực số				
1	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản, chuyên sâu cho công chức, viên chức, người lao động		Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ	UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
2	Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân	Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng DVCTT; mua sắm trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng...	Tỉnh đoàn; Sở Thông tin và Truyền thông	UBND huyện, TX, TP	Quý II/2024
IV	Nhận thức số				
	Duy trì hoạt động các kênh truyền thông về chuyên đổi số. Tổ chức các hoạt động, sự kiện thiết thực, hiệu quả hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024		Sở Thông tin và Truyền thông; Tỉnh đoàn Bình Định	Cổng thông tin điện tử của các CQNN; Báo Bình Định; Đài PT&TH Bình Định	Năm 2024
V	Hệ thống, nền tảng số cơ bản				

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Triển khai nền tảng "Trợ lý ảo"	Công chức, viên chức có thể sử dụng trợ lý ảo để hỏi đáp về các lĩnh vực quản lý, văn bản pháp luật; rà soát sự trùng lặp, mâu thuẫn của các văn bản pháp luật trong quá trình dự thảo. Người dân có thể sử dụng trợ lý ảo để hỏi đáp về các vấn đề pháp lý	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Quý III/2024
2	Triển khai nền tảng "Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh"	Nền tảng lưu trữ dữ liệu trên quy mô toàn tỉnh, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn; từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Quý II/2024
3	Triển khai các mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh	Thực hiện theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Phê duyệt Danh mục 42 mô hình thực hiện Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Bình Định	Các sở, ban, ngành	UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
4	Triển khai hệ thống thông tin quản lý đầu tư công; quản lý công tác		Sở Kế hoạch	Các sở, ban,	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	đầu tư vốn ngoài ngân sách		và Đầu tư	ngành; UBND huyện, TX, TP	
5	Triển khai nền tảng bản đồ số dùng chung		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
6	Triển khai hệ thống quản lý đất đai		Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
7	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý kho lưu trữ tài liệu	Xây dựng cơ dữ liệu lưu trữ lịch sử của tỉnh trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu lưu trữ số tại các cơ quan, tổ chức nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
8	Triển khai nền tảng Bảo tàng ảo và số hóa hiện vật, di tích		Sở Văn hóa – Thể thao	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024
9	Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin quản lý trường học; Hệ thống thông tin quản lý công chức, viên		Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp	Quý II/2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	chức và Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai			&PTNT; Sở Nội vụ	
10	Xây dựng hệ thống phần mềm tuyển sinh đầu cấp		Sở Giáo dục và Đào tạo		Năm 2024
11	Triển khai Hệ thống giám sát khai thác khoáng sản	Lắp Camera tích hợp công nghệ AI có khả năng đếm và thống kê các lượt xe, phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn xử lý kịp thời các trường hợp khai thác vượt công suất, khai thác ban đêm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2024
12	Triển khai hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
13	Nâng cấp hệ thống văn phòng điện tử và tích hợp lưu trữ cơ quan	Thiết lập tính năng lưu trữ cơ quan trên cơ sở nâng cấp, hoàn thiện phần mềm văn phòng điện tử. Tối ưu việc lưu trữ dữ liệu cho phần mềm quản lý văn bản điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Năm 2024
14	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ	Nâng cấp hệ thống thư điện tử nhằm tăng cường khả năng bảo mật theo quy định của Cục An toàn	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện,	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		thông tin		TX, TP	
15	Xây dựng số hóa về công tác bảo tồn và phát huy võ cổ truyền	Xây dựng các Clip quảng bá về nguồn gốc và sự phát triển của từng võ đường thuộc võ cổ truyền Bình Định đến với khách du lịch trong và ngoài nước khi đến Bình Định (Triển khai theo Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
16	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy	Triển khai sử dụng hệ thống phòng họp không giấy cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2024
17	Hệ thống thông tin báo cáo	Triển khai sử dụng “Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh” đến các cơ quan, đơn vị, địa phương (bao gồm cấp xã) trên địa bàn tỉnh phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Quý III/2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
18	Hệ thống tiếp nhận, xử lý và theo dõi đơn thư	Sửa đổi, cải tiến “Quy trình tiếp nhận, xử lý và phát hành văn bản tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh” theo hướng đẩy mạnh chuyên đổi số phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh; UBND huyện, TX, TP	Quý III/2024
19	Triển khai công cụ chứng thực điện tử kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp; UBND huyện, TX, TP	Quý II/2024
20	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Triển khai sử dụng “Hệ thống theo dõi nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao” đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ban, ngành	Quý III/2024
21	Xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tỉnh Bình Định	Triển khai xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm mục đích giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành liên quan	Quý III/2024
VI	Dữ liệu số				

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Phối hợp với các bộ, ngành trong triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp trên quy mô quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
2	Cung cấp dữ liệu mở của tỉnh	Cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
3	Xây dựng công cụ quản lý dữ liệu thủ tục hành chính của tỉnh	Phục vụ cho công tác quản lý dữ liệu thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và theo dõi các chỉ số về DVC trực tuyến; các dự án đầu tư phục vụ nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Quý IV/2024
4	Xây dựng CSDL, ứng dụng nền tảng của các cơ quan Đảng	Xây dựng Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng, dữ liệu nền tảng của hệ thống: CSDL người dùng, danh mục dùng chung trong hệ thống các cơ quan Đảng, mã định danh các cơ quan, mã định danh cán bộ, công chức...	Văn phòng Tỉnh ủy		Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
VII	An toàn thông tin mạng				
1	Triển khai duy trì Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng theo mô hình 04 lớp	Đảm bảo triển khai mô hình 04 lớp theo Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng	Sở Thông tin và Truyền thông		Năm 2024
2	Triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung; kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung của Bộ Thông tin và Truyền thông		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
3	Triển khai hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ		Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
4	Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2024	Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm; ưu tiên đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 nhằm đánh giá khả năng phòng ngừa xâm nhập và khả năng phát hiện kịp thời các điểm yếu về quy trình, công nghệ.	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
VIII	Doanh nghiệp công nghệ số				

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	Tổ chức triển khai Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 06/04/2023 của UBND tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại Bình Định. - Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh cung cấp các giải pháp chuyển đổi số cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. 	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
IX	Chính quyền số				
1	Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, xây dựng biểu mẫu tương tác, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa. - Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết TTHC bảo đảm kỹ thuật kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC). - Triển khai, hoàn thiện các chức năng số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của Hệ thống 	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
		thông tin giải quyết TTHC			
2	Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp	Để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền thông qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
X	Kinh tế số				
1	Đo lường kinh tế số	Thực hiện đo lường kinh tế số ICT từng quý theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để làm tiền đề đề xuất giải pháp phù hợp phát triển kinh tế số phù hợp	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2024
2	Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực	Tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế số ở các lĩnh vực nông nghiệp, du lịch.	Sở NN&PTNT; Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ TT&TT cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp. 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; BQL Khu Kinh tế tỉnh	Năm 2024
4	Triển khai phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh	Triển khai theo Quyết định số 4157/QĐUBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
XI	Xã hội số				
1	Đảm bảo mỗi người dân có một danh tính số	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2. - Tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số. 	Công an tỉnh	VP UBND tỉnh; Tỉnh đoàn; Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Đảm bảo mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số	Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.	Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông; Tỉnh đoàn; VP UBND tỉnh; UBND huyện, TX, TP; Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2024
3	Đảm bảo mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân	Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh	Năm 2024
4	Đảm bảo mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản	Tuyên truyền, triển khai các giải pháp để không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo Bình Định; Đài PT&TH Bình Định; Tỉnh đoàn	Năm 2024
5	Phát triển trường học số	Ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập	Sở GD&ĐT		Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Phát triển bệnh án điện tử, nền tảng số y tế	Thúc đẩy triển khai chuyển đổi số toàn diện trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh; trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số y tế phục vụ công tác quản lý điều hành tại đơn vị; hỗ trợ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; tiếp tục thúc đẩy triển khai bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	Sở Y tế; Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT	Năm 2024
7	Phát triển "làng số"	Triển khai mô hình "làng số" để người dân sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ, kỹ thuật số để phục vụ đời sống hàng ngày và thay đổi phương thức, hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt khỏi phạm vi không gian làng, xã.	Sở Thông tin và Truyền thông		Năm 2024
8	Triển khai thực hiện mô hình "Hành chính phục vụ người dân"		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, TX, TP	Năm 2024
XII	Xây dựng không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số				
	Xây dựng không gian trải nghiệm	Thiết lập không gian trải nghiệm	Sở Thông tin và		

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	sản phẩm, dịch vụ công nghệ số	sản phẩm, dịch vụ công nghệ số tại Trung tâm CNTT và Truyền thông nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế; kết hợp với việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho các đối tượng liên quan thông qua việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Truyền thông; Trung tâm CNTT&TT		
B	CẤP HUYỆN: UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ				
1	Triển khai Đài truyền thanh thông minh	Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở, đổi mới phương thức cung cấp thông tin, kết nối hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn với hệ thống thông tin nguồn của tỉnh.	UBND huyện, TX, TP	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024
2	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Đẩy mạnh công tác số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	UBND huyện, TX, TP	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2024
3	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản	Đảm bảo đáp ứng được yêu cầu xây dựng chính quyền số/Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 tại địa phương	UBND huyện, TX, TP	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Mục tiêu chính đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Triển khai dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn	Ưu tiên triển khai các dịch vụ cấp thiết như: Quản lý giao thông, đô thị, an ninh trật tự, môi trường, giáo dục, y tế... phục vụ cho đời sống nhân dân; Đảm bảo kết nối với hệ thống IOC của tỉnh	UBND TP.Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn, UBND thị xã Hoài Nhơn	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024
5	Sử dụng, cập nhật dữ liệu cho các nền tảng, phần mềm của Trung ương và của tỉnh	Đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung đảm bảo đồng bộ, hiệu quả	UBND huyện, TX, TP	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024